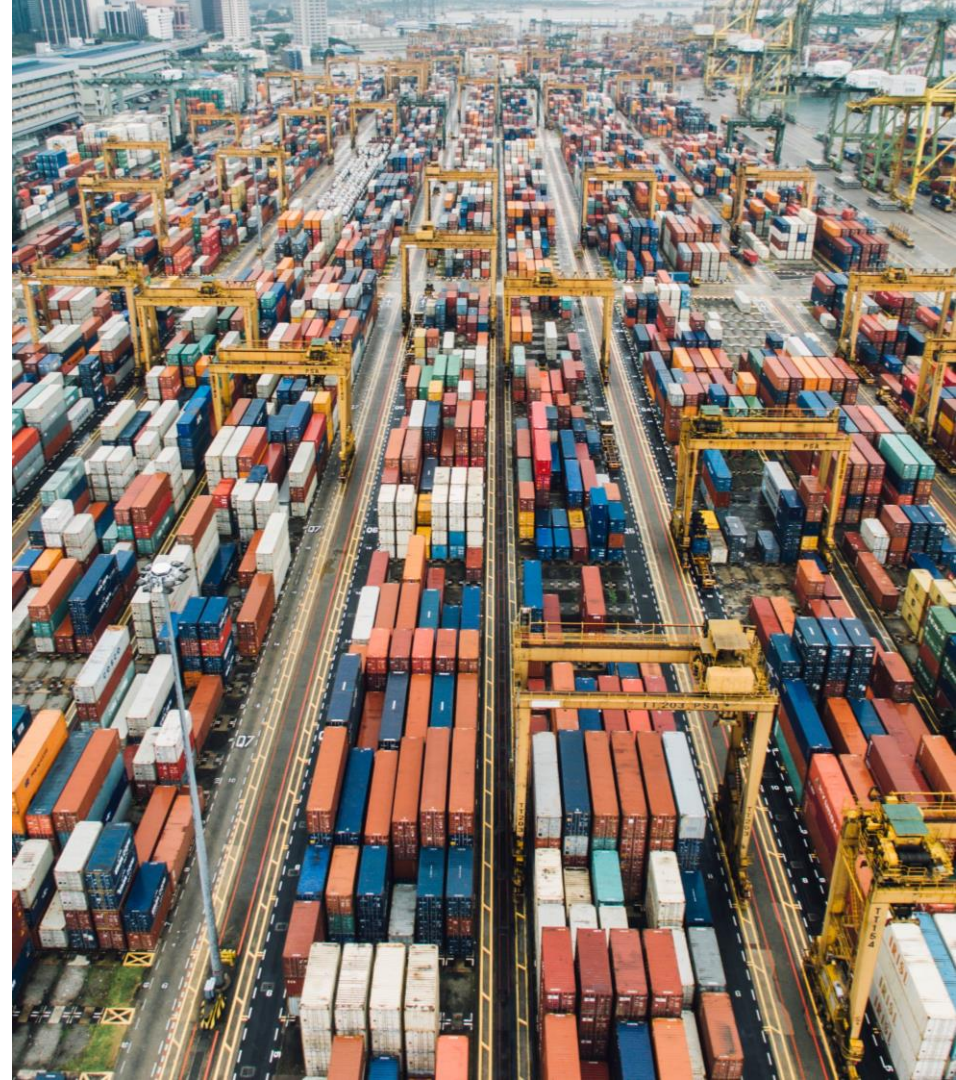


Sử dụng công cụ PVTM trong hội nhập FTA Hiện trạng và Kiến nghị

Nguyễn Thị Thu Trang
Trung tâm WTO và Hội nhập - VCCI



01

Nguy cơ từ hàng nhập khẩu
theo FTA

02

Đánh giá Dự thảo Đề án nâng cao
năng lực PVTM từ góc nhìn DN

03

Bình luận Dự thảo Thông tư
hướng dẫn PVTM theo EVFTA

NỘI DUNG CHÍNH



01

Nguy cơ từ hàng nhập khẩu theo các FTA



Các FTA của Việt Nam

STT	FTA	Hiện trạng	Đối tác
FTAs đã có hiệu lực			
1	AFTA	Có hiệu lực từ 1993	ASEAN
2	ACFTA	Có hiệu lực từ 2003	ASEAN, Trung Quốc
3	AKFTA	Có hiệu lực từ 2007	ASEAN, Hàn Quốc
4	AJCEP	Có hiệu lực từ 2008	ASEAN, Nhật Bản
5	VJEPA	Có hiệu lực từ 2009	Việt Nam, Nhật Bản
6	AIFTA	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Ấn Độ
7	AANZFTA	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Úc, New Zealand
8	VCFTA	Có hiệu lực từ 2014	Việt Nam, Chi Lê
9	VKFTA	Có hiệu lực từ 2015	Việt Nam, Hàn Quốc
10	VN – EAEU FTA	Có hiệu lực từ 2016	Việt Nam, Nga, Belarus, Armenia, Kazakhstan, Kyrgyzstan
11	CPTPP (Tiền thân là TPP)	Có hiệu lực từ 30/12/2018, có hiệu lực với Việt Nam từ 14/1/2019	Việt Nam, Canada, Mexico, Peru, Chi Lê, New Zealand, Úc, Nhật Bản, Singapore, Brunei, Malaysia
12	AHKFTA	Có hiệu lực với Hồng Kông (Trung Quốc), Lào, Myanmar, Thái Lan, Singapore và Việt Nam từ 11/06/2019	ASEAN, Hồng Kông (Trung Quốc)
13	EVFTA	Có hiệu lực từ 01/08/2020	Việt Nam, EU (27 thành viên)
FTA đang đàm phán			
14	RCEP	Khởi động đàm phán tháng 3/2013, hoàn tất đàm phán vẫn kiện	ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc, New Zealand
15	Việt Nam – EFTA FTA	Khởi động đàm phán tháng 5/2012	Việt Nam, EFTA (Thụy Sĩ, Na uy, Iceland, Liechtenstein)
16	Việt Nam – Israel FTA	Khởi động đàm phán tháng 12/2015	Việt Nam, Israel

Cam kết thuế quan đối với hàng NK vào Việt Nam theo các FTA

(Nguồn: Bộ Tài chính)

STT	FTA	Thời điểm kết thúc lộ trình loại bỏ thuế quan	Tỷ lệ tự do hóa cuối lộ trình
1	ASEAN - Trung Quốc (ACFTA)	2020	90% với các nước ASEAN 86% với Trung Quốc
2	ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA)	2021	86.3%
3	ASEAN – Nhật Bản (AJCEP)	2026	87%
4	Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA)	2026	90%
5	ASEAN-Australia-New Zealand (AANZFTA)	2022	90%
6	ASEAN (ATIGA)	2018	98%
7	ASEAN - Ấn Độ (AIFTA)	2024	69.71%
8	Việt Nam – Chile (VCFTA)	2029	88.55%
9	Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)	2029	89.7%
10	Việt Nam – Liên minh Á Âu (VN-EAEU FTA)	2027	87.1%
11	CPTPP	2034	100% (?)
12	ASEAN – HongKong (AHKFTA)	2032	72%
13	EVFTA	2029	99.8% (?)

Tăng trưởng nhập khẩu từ các đối tác FTA

(Nguồn: Bộ Tài chính)

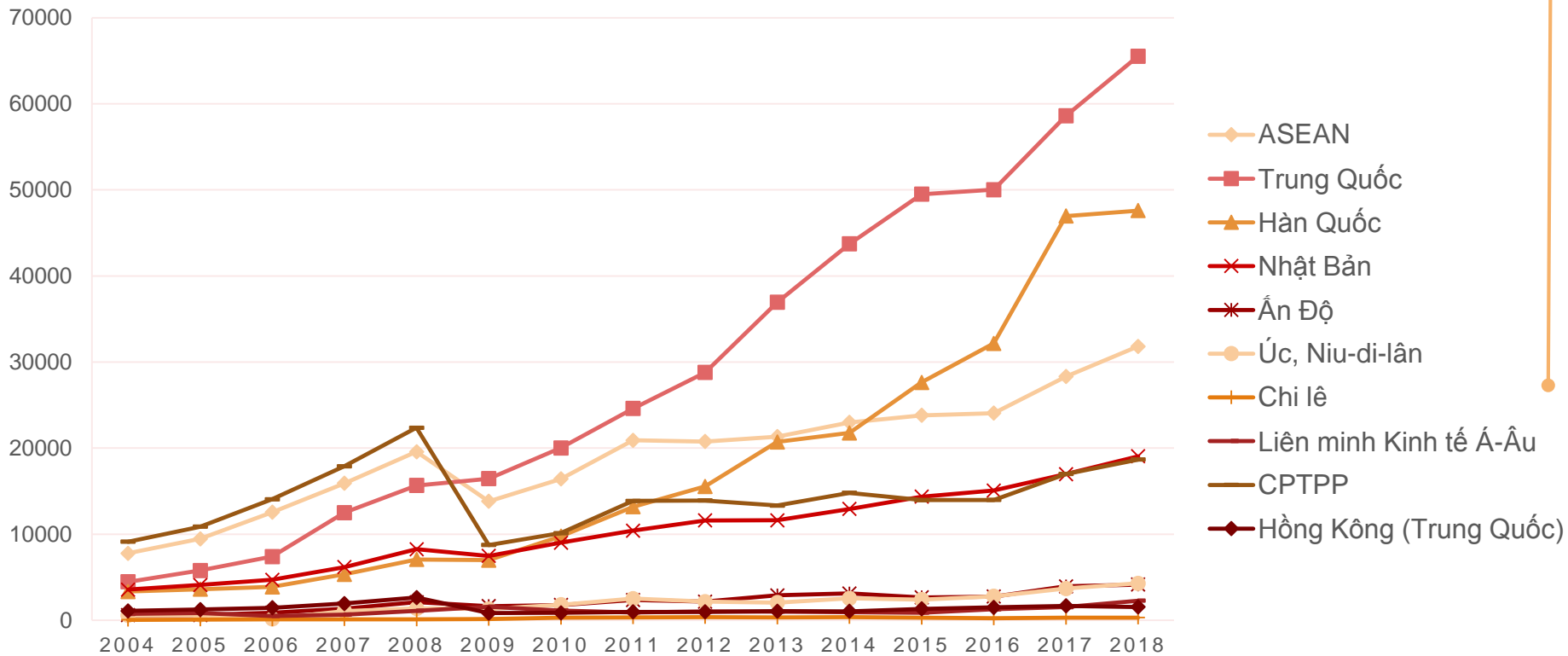


Các đối tác theo FTA	2015		2016		2017		2018	
	KNNK (triệu USD)	KNNK (triệu USD)	Tăng (%)	KNNK (triệu USD)	Tăng (%)	KNNK (triệu USD)	Tăng (%)	
ASEAN	23.799,0	24.063,2	1.11%	28.304,5	17.63%	31.813,3	12.40%	
Trung Quốc	49.497,8	50.018,8	1.05%	58.592,4	17.14%	65.516,2	11.82%	
Hàn Quốc	27.631,1	32.162,9	16.40%	46.961,0	46.01%	47.582,2	1.32%	
Nhật Bản	14.360,4	15.064,0	4.90%	16.977,3	12.70%	19.040,9	12.16%	
Ấn Độ	2.656,4	2.745,5	3.35%	3.940,0	43.51%	4.147,0	5.25%	
Australia-New Zealand	2.400,1	2.781,8	15.90%	3.684,8	32.46%	4.282,8	16.23%	
Chi lê	290,5	231,7	-20.24%	282,9	22.10%	306,8	8.45%	
Liên minh Kinh tế Á-Âu	871,5	1.279,4	46.80%	1.529,0	19.51%	2.272,1	48.60%	
CPTPP	13.960,6	13.974,0	0.10%	16.989,9	21.58%	18.668,7	9.88%	



Diễn tiến kim ngạch nhập khẩu giai đoạn 2015 - 2018

(Nguồn: Bộ Tài chính)



Tăng trưởng nhập khẩu theo mặt hàng

(Nguồn: Bộ Tài chính)



	2015	2016		2017		2018	
Hàng thô hoặc mới sơ chế	KNNK (triệu USD)	KNNK (triệu USD)	Tăng (%)	KNNK (triệu USD)	Tăng (%)	KNNK (triệu USD)	Tăng (%)
Lương thực, thực phẩm và động vật sống	12.037,3	13.451,5	11.75%	15.068,5	12.02%	17.167,5	13.93%
Nguyên liệu thô, không dùng để ăn, trừ nhiên liệu	7.678,3	7.384,4	-3.83%	9.733,7	31.81%	12.018,5	23.47%
Nhiên liệu, dầu mỡ nhờn và vật liệu liên quan	7.640,1	7.532,5	-1.41%	10.798,8	43.36%	14.999,0	38.90%
Dầu, mỡ, chất béo, sáp động, thực vật	663,2	677,5	2.16%	734,1	8.35%	724,2	-1.35%
Hàng chế biến hoặc đã tinh chế							
Hóa chất và sản phẩm liên quan	20.261,5	21.370,3	5.47%	26.061,1	21.95%	29.347,2	12.61%
Hàng chế biến phân loại theo nguyên liệu	37.181,1	38.506,4	3.56%	43.066,2	11.84%	49.343,3	14.58%
Máy móc, phương tiện vận tải và phụ tùng	70.417,9	74.438,2	5.71%	91.852,5	23.39%	95.806,3	4.30%
Hàng chế biến khác	8.837,0	10.681,4	20.87%	15.052,8	40.93%	16.719,3	11.07%

Tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan theo FTA của hàng NK

(Nguồn: Bộ Tài chính)

TT	Giấy chứng nhận xuất xứ của FTA	2015	2016	2017
1	ASEAN (Mẫu D)	34,1%	44%	47%
2	ACFTA (Mẫu E)	13,2%	15%	13,4%
3	AKFTA	4,9%	4%	3,2%
4	AJCEP	0,7%	0,99%	1%
5	AANZFTA	11,6%	45%	38,8%
6	AIFTA	3,7%	4,5%	4,2%
7	VJEPA	5,8%	5%	5,16%
8	VCFTA	4%	5%	5,8%
9	VKFTA	Chưa thực hiện	1,22%	2%
10	VN-EAEU FTA	Chưa thực hiện	12% (3 tháng cuối 2016)	25,7%
Trung bình		9,75%	13,81%	14,63%

Số lượng các vụ điều tra PVTM trên thế giới đối với hàng hóa XK một số nước (1995-2019)

(Nguồn: WTO)

Nước XK	Số vụ bị kiện CBPG	Số vụ bị kiện CTC	Tổng cộng
Trung Quốc	1392	123	1515
Canada	52	5	57
Australia	34	1	35
EU	133	12	145
Hàn Quốc	447	15	462
Nhật Bản	230	0	230
Ấn Độ	241	52	293
Indonesia	218	11	229
Philippines	19	2	21
Nga	173	1	174
Thái Lan	238	3	241
Singapore	63	0	63

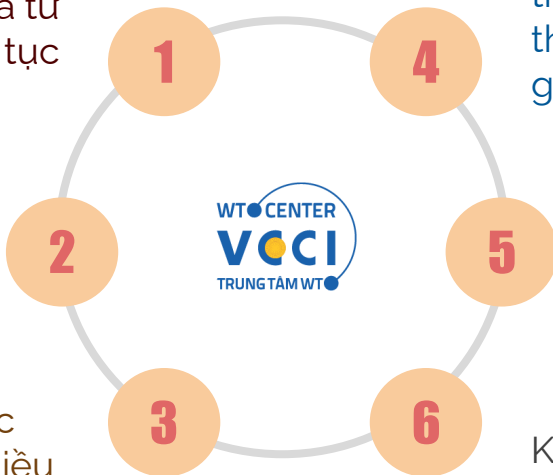


Những lý do để lo lắng

Lượng nhập khẩu hàng hóa từ các đối tác FTA tăng liên tục

Thuế quan ưu đãi đối với hàng hóa từ các đối tác FTA cắt giảm liên tục

Hàng hóa xuất khẩu của các đối tác FTA là đối tượng của ngày càng nhiều các vụ điều tra PVTM trên thế giới



Xu hướng bảo hộ ở nhiều thị trường lớn trên thế giới và sức ép chuyển hướng thương mại sang các thị trường nhỏ, gần như Việt Nam

Cầu ở các thị trường xuất khẩu giảm và tình trạng ứ ứ trong cung hàng hóa dưới tác động của COVID-19

Khó khăn, thiệt hại của nhiều ngành sản xuất nội địa

02

Dự thảo Đề án Nâng cao năng lực PVTM
từ góc nhìn của doanh nghiệp

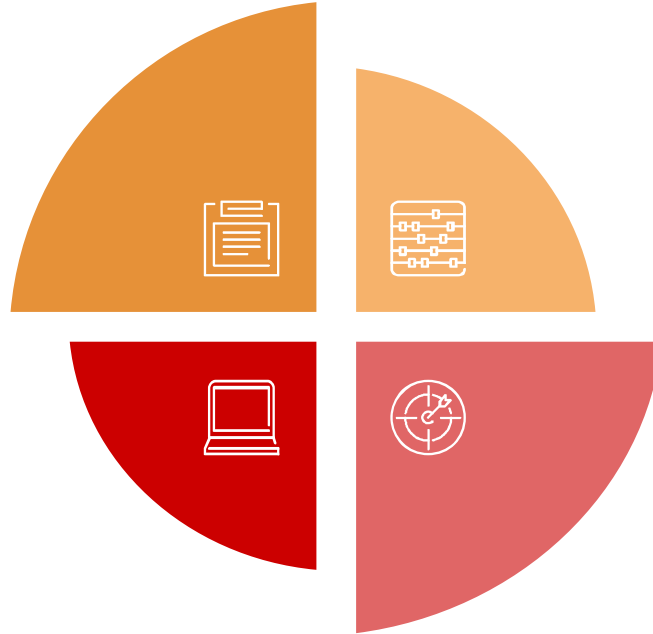


VỀ MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

Mục tiêu

“Xây dựng Luật PVTM”?

- Từ góc độ nhu cầu nội tại: Có điều gì không quy định trong Luật gây bất cập, hạn chế trong thực tế?
- Từ góc độ kinh nghiệm quốc tế: Có phải nước nào cũng cần một Luật riêng (Hoa Kỳ, Australia, Canada?)



Mục tiêu

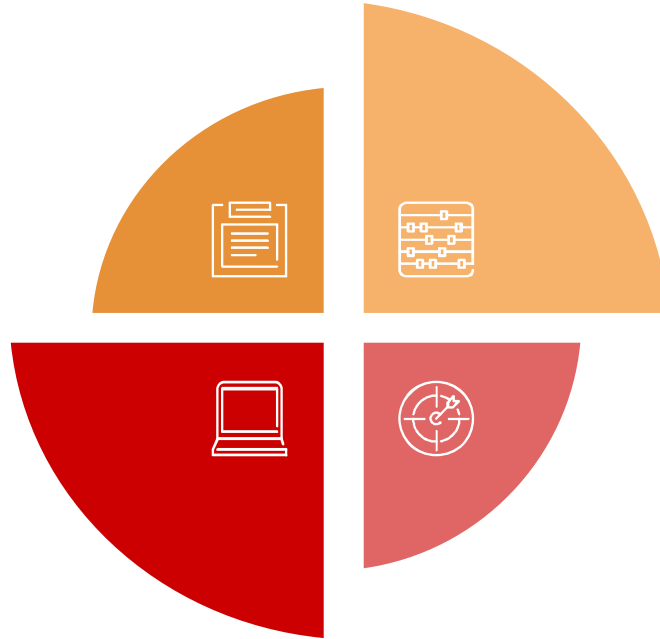
“Hoàn thiện thể chế về PVTM”:

- Cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khởi kiện?
- Cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thực thi biện pháp PVTM?

Về mục tiêu của Đề án (tiếp)

Mục tiêu “*Xây dựng cơ sở dữ liệu về 10 ngành sản xuất trọng điểm có khả năng bị thiệt hại trong thực thi FTA*”?

- PVTM không phải là thần dược
- Tại sao không phải là Cơ chế cảnh báo sớm (về các rủi ro về cạnh tranh không lành mạnh hoặc tăng đột biến từ hàng hóa nhập khẩu)?



Mục tiêu “*Xây dựng hệ thống một cửa liên thông giữa cơ quan PVTM và cơ quan Hải quan*”

- “Một cửa” cho ai?
- Cơ chế tiếp cận thông tin dữ liệu (về sản xuất, về xuất nhập khẩu) cho doanh nghiệp?

Hoạt động I.1

“Rà soát cam kết FTA về PVTM, đối chiếu với PL nội địa để hoàn thiện”

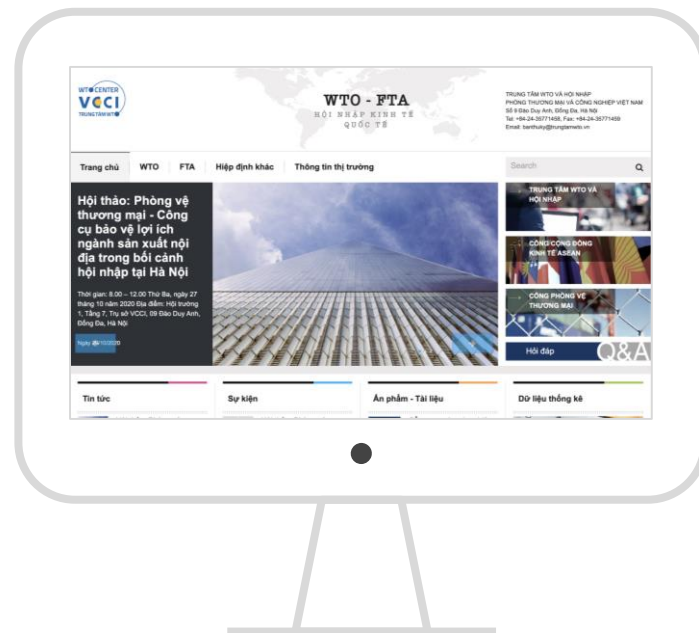
- Lý do rà soát? Các Thông tư hướng dẫn còn rất mới
- Mục tiêu rà soát? FTAs không ảnh hưởng tới PL chung

Hoạt động I.6

“Lồng ghép nội dung PVTM vào các chiến lược, kế hoạch phát triển của các ngành sản xuất trong nước”

- Đơn vị thực hiện: Các Bộ ngành?
- “Công cụ xử lý khủng hoảng” có thể trở thành “mục tiêu phát triển” không?

VỀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI



Về Kế hoạch triển khai (tiếp)



Hoạt động II.1

“Nghiên cứu mô hình cơ quan PVTM của các nước...”

- Quy trình, cách thức, kinh nghiệm hỗ trợ DN của các cơ quan PVTM các nước?
- Nguyên tắc, cơ chế minh bạch hóa thông tin phục vụ kiện PVTM của các nước?



Hoạt động II.2

“Xây dựng tiêu chí xác định các ngành sản xuất có tác động lớn về KT-XH có khả năng bị thiệt hại”:

- Thay bằng Cơ chế cảnh báo sớm?



Hoạt động II.5

“Xây dựng Cổng thông tin điện tử của cơ quan PVTM”:

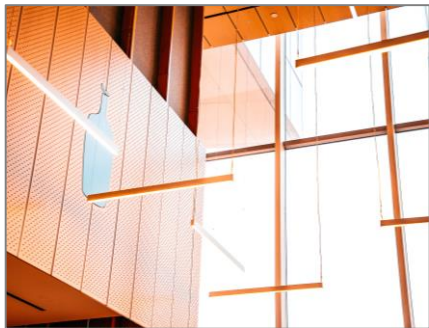
- Cổng này vs. Cổng hiện tại?



Hoạt động III.5 (chưa có)

- Cơ chế công khai thông tin, cung cấp thông tin xuất nhập khẩu theo yêu cầu?
- Cơ chế công khai, tiếp cận thông tin về vụ kiện cho các bên liên quan?

VỀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI (TIẾP)



Hoạt động IV.2

“Xây dựng cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ điều tra PVTM”

- Cẩm nang hướng dẫn quy trình điều tra PVTM cho các bên liên quan (khác hoạt động 4.2.1)?
- Cẩm nang tổng hợp các vụ kiện PVTM?



Các hoạt động 4.3

“Nâng cao nhận thức, năng lực của DN, HH”

- Có thể có sản phẩm có giá trị sử dụng lâu dài và rộng khắp không? (ví dụ ấn phẩm, tài liệu online)
- “Xây dựng cơ chế hỗ trợ, tư vấn DN trong nộp hồ sơ yêu cầu”: Sản phẩm là “đào tạo tại chỗ”? Sao không phải Cơ chế trong tổ chức của cơ quan PVTM?



Hoạt động 4.4.1

Giấy phép con “chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn PVTM”???

Không thể và không nên đặt ra Giấy phép con thế này!!!



03

**Dự thảo Thông tư
hướng dẫn PVTM theo EVFTA
Từ góc nhìn của DN**

Mối quan hệ giữa Dự thảo và Pháp luật chung về PVTM

Dự thảo

Không đề cập đến vấn đề này



Thực chất

- Các vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư: Áp dụng Thông tư
- Các vấn đề không được quy định tại Thông tư: Áp dụng pháp luật PVTM

Một số vấn đề

- Quy định về phạm vi áp dụng
- Các khái niệm lặp lại
- Các quy định lặp lại

Dự thảo Thông tư và những vấn đề cụ thể

Phạm vi điều chỉnh (Điều 1):

Dự thảo: “*Biện pháp tự vệ trong giai đoạn chuyển tiếp*”

Vấn đề:

- Biện pháp tự vệ song phương (Mục C Chương 3 EVFTA)?
- Giai đoạn chuyển tiếp: Áp dụng tự động?
- Giai đoạn sau chuyển tiếp: Áp dụng “với sự đồng ý của Bên kia”?



Hàng hóa là đối tượng điều chỉnh:

Dự thảo: *không quy định*

Vấn đề: *Theo EVFTA thì*

- Hàng hóa là đối tượng của AD, CVD: Bình thường
- Hàng hóa là đối tượng của biện pháp tự vệ song phương: Hàng hóa được hưởng ưu đãi thuế quan theo EVFTA

Dự thảo Thông tư và những vấn đề cụ thể (tiếp)

Biện pháp chống bán phá giá – chống trợ cấp

“Lợi ích công cộng”

➤ **Căn cứ đánh giá:**

Tại sao chỉ giới hạn ở:

- Thông tin sẵn có “trong phạm vi nguồn lực của cơ quan điều tra”?
- Tình hình các chủ thể liên quan “do các bên liên quan cung cấp cho cơ quan điều tra”?

➤ **Điều kiện:**

- “Kết luận rằng áp dụng biện pháp... hoàn toàn không phù hợp với lợi ích công cộng” (Dự thảo)? hay
- “Kết luận rõ ràng rằng áp dụng biện pháp... không phù hợp với lợi ích công cộng” (EVFTA)?

“Quy tắc thuế suất thấp hơn”

Tương tự pháp luật PVTM, chỉ khác ở mức độ “nỗ lực”:

- Mức thuế “sẽ không cao hơn biên độ phá giá/trợ cấp” (Dự thảo) hay “không được cao hơn...” (EVFTA)?
- Bộ Công Thương “sẽ nỗ lực...” (Dự thảo) hay “phải nỗ lực” (EVFTA)?



Dự thảo Thông tư và những vấn đề cụ thể (tiếp)



Biện pháp tự vệ song phương



Đối tượng áp dụng

- Hàng hóa "có xuất xứ từ EU" là hàng hóa
- Được nhập từ EU? hay
 - Được hưởng ưu đãi thuế quan theo EVFTA?



Biện pháp áp dụng

Yêu cầu phải "nới lỏng dần dần" biện pháp tự vệ song phương có nghĩa là gì?



Bên liên quan

"Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền của EU xuất khẩu hàng hóa bị điều tra"?

XIN CẢM ƠN!



**TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

ADDRESS

9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

PHONE NUMBER

024 3577 1458

EMAIL ADDRESS

banthuky@trungtamwto.vn

WEBSITE

trungtamwto.vn / wtocenter.vn

